

Cải cách hành chính trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài ở Việt Nam : \

Luận văn ThS. Luật: 60 38 01 \ Đặng Trần Hiếu ; Nghd. : GS.TS. Phạm Hồng Thái

	Trang
<i>Trang phụ bìa</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ VAI TRÒ CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	7
1.1. Cải cách hành chính và vai trò của cải cách hành chính trong quản lý nhà nước	7
1.1.1. Quan niệm về cải cách hành chính	8
1.1.2. Vai trò của cải cách hành chính	12
1.1.3. Nội dung của cải cách hành chính	13
1.2. Cải cách hành chính trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài	21
1.2.1. Quan niệm cải cách hành chính trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài	21
1.2.1.1. Cải cách thể chế	21
1.2.1.2. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính	22
1.2.1.3. Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức	23

1.2.1.4. Cải cách tài chính công	24
1.2.2. Vai trò của cải cách hành chính trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài	24
Chương 2: THỰC TRẠNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI Ở NƯỚC TA	36
2.1. Những kết quả đạt được về cải cách hành chính trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài ở nước ta	36
2.1.1. Những kết quả đạt được ở lĩnh vực cải cách thể chế	37
2.1.2. Những kết quả đạt được ở lĩnh vực cải cách bộ máy hành chính nhà nước	42
2.1.3. Những kết quả đạt được ở lĩnh vực cải cách tài chính công	48
2.2. Những tồn tại của cải cách hành chính trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài	50
2.2.1. Về cải cách thể chế	51
2.2.2. Về bộ máy nhà nước	55
2.2.3. Về đội ngũ cán bộ, công chức	63
2.2.4. Về cải cách tài chính công	65
Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC ĐỔI MỚI CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY	69
3.1. Phương hướng tiếp tục đổi mới cải cách hành chính trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài ở nước ta	69
3.2. Một số giải pháp tiếp tục đổi mới cải cách hành chính trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài ở nước ta	70
3.2.1. Cải cải thể chế	70
3.2.2. Cải cách bộ máy nhà nước	72
3.2.3. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức	76

3.2.4.	Cải cách tài chính công	78
	KẾT LUẬN	82
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	84
	PHỤ LỤC	88

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Theo đó, cùng với những thuận lợi có được khi gia nhập WTO, chúng ta cũng phải thực hiện nhiều quy định mang tính chất ràng buộc của tổ chức này. Trong đó, ngoài các nội dung thuộc lĩnh vực kinh tế, Việt Nam phải cam kết xóa bỏ những quy định hành chính ảnh hưởng đến kinh tế thị trường... Và để đáp ứng yêu cầu này, ngay sau khi Quốc hội chính thức phê chuẩn văn kiện gia nhập WTO, Chính phủ, Thủ tướng đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo công tác cải cách hành chính nói chung và cải cách hành chính trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài nói riêng.

Chính nhờ thực hiện cải cách hành chính, nên thời gian qua môi trường kinh doanh đã được cải thiện tích cực. Đặc biệt, tạo tiền đề tốt để Việt Nam thu hút đầu tư nước ngoài, theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư: "Năm 2006 vốn đầu tư nước ngoài đăng ký mới đạt 7,5 tỷ USD"; "năm 2007 vốn đầu tư nước ngoài gần 18 tỷ USD", "năm 2008, số vốn này đã đạt hơn 60 tỷ USD"; "Năm 2009, vốn đầu tư nước ngoài đăng ký ước đạt 21,48 tỷ USD". "Năm 2010, trong bối cảnh trong nước và quốc tế có nhiều biến động phức tạp, Việt Nam đã thu hút được 18,59 tỷ USD". "4 tháng đầu năm 2011, vốn đăng ký đầu tư nước ngoài vào Việt Nam là 4,024 tỷ USD. Các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã đóng góp tới 27% kim ngạch xuất khẩu (không kể dầu khí), 33% giá trị sản xuất công nghiệp, 22% vốn đầu tư xã hội và hơn 14% GDP của cả nước, tạo thêm việc làm cho hơn 80 vạn lao động trực tiếp và triệu lao động gián tiếp khác".

Mặc dù các hoạt động cải cách hành chính đã đem lại những lợi ích thiết thực, nhưng đối chiếu với những yêu cầu phát triển của kinh tế và hội nhập, công tác cải cách hành chính vẫn còn nhiều việc phải làm.

Theo Chủ tịch Phòng Thương mại châu Âu (EuroCham) Alain Cany cho biết: "Có tới 20 - 30% lợi thế cạnh tranh của Việt Nam bị mất do hệ

thống quản lý hành chính không hiệu quả. Và hơn 20 hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài đều cho rằng: vướng mắc chính trong môi trường kinh doanh tại Việt Nam đang cản trở công việc của họ là thủ tục hành chính vẫn còn nhiều phức tạp, không rõ, không nhất quán, rườm rà, nhiều khe...là những lý do chính để nhiều doanh nghiệp muốn rời bỏ Việt Nam trong tương lai".

Để hiểu rõ một cách cụ thể, lý giải những vấn đề đang còn khúc mắc do những bất cập hiện nay ở công tác hành chính gây ra trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài hiện nay, tác giả chọn đề tài "***Cải cách hành chính trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài ở nước ta***" làm đề tài luận văn thạc sĩ. Kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần hoàn thiện hướng cải cách hành chính, qua đó góp phần tạo động lực thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong thời gian tới.

2. Tình hình nghiên cứu

Cải cách hành chính nói chung và cải cách về hành chính trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài nói riêng là một lĩnh vực phức tạp. Bởi các bộ, ngành, chính quyền địa phương vẫn còn chưa muốn buông việc quản lý hành chính đối với hoạt động kinh tế. Các cơ quan nhà nước vẫn muốn giành thuận lợi cho mình...

Vì vậy, vấn đề này đã thu hút sự quan tâm của các cơ quan nghiên cứu cũng như các nhà khoa học và các cơ sở đào tạo luật để tìm ra nguyên nhân, vướng mắc, đồng thời đưa ra các sáng kiến, đề xuất cải cách hành chính.

Đã có nhiều cuộc hội thảo, tọa đàm từ Trung ương cho đến địa phương để lấy ý kiến về cải cách hành chính: tỉnh Bắc Ninh đã tổ chức Hội thảo khoa học về "*Nâng cao hiệu quả, chất lượng cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh - thực trạng và giải pháp*"; Ngày 04/6/2008, tại Bộ Xây dựng đã diễn ra Hội thảo "*cải cách thủ tục hành chính trong đầu tư xây dựng*"; Ngày 28/10/2009, Tổng cục Hải quan đã tổ chức hội nghị "*mở rộng thủ tục hải quan điện tử*"; Ngày 1/9/2009 Trung ương Hội doanh nhân trẻ Việt Nam tổ chức Hội thảo "*Cải cách*

thủ tục hành chính -Xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi"; Ngày 20/11/2009, Hội đồng Tư vấn Cải cách Thủ tục hành chính đã tổ chức Tọa đàm "*Kết quả rà soát các thủ tục hành chính ưu tiên*"; Ngày 1/3/2010, Tổ công tác chuyên trách cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ đã tổ chức Hội nghị "*giao ban các bộ, ngành về rà soát thủ tục hành chính theo Đề án 30*"... Đồng thời có nhiều bài viết của các tác giả trong nước về cải cách hành chính.

Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu khoa học trên chỉ đề cập tới các vấn đề liên quan đến cải cách hành chính nói chung, hoặc cải cách hành chính cho từng ngành, lĩnh vực nhưng chưa nghiên cứu riêng về vấn đề cải cách hành chính để tạo thuận lợi thu hút đầu tư nước ngoài. Mặt khác, trong hầu hết các nghiên cứu vẫn chưa giải thích được một cách thỏa đáng, có tính cội rễ của nhiều hạn chế, bất cập từ hành chính để thu hút đầu tư nước ngoài ở Việt Nam. Vì vậy, việc chọn và nghiên cứu đề tài "***Cải cách hành chính trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài ở nước ta***" là một đề tài độc lập.

Và để hoàn thành đề tài này, người viết phải tham khảo, sưu tầm, học hỏi các kiến thức cũng như kinh nghiệm trong các công trình khoa học có liên quan đến vấn đề cải cách hành chính đã được công bố và các tạp chí nghiên cứu khoa học khác.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích của việc nghiên cứu đề tài là tìm hiểu thực trạng và nguyên nhân cũng như những vấn đề yêu cầu đặt ra hiện nay về cải cách hành chính để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nước ngoài vào đầu tư tại Việt Nam; phân tích và chỉ ra những bất cập, đồng thời nêu một số kiến nghị với hy vọng góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, để cải cách hành chính thực sự là khâu đột phá, tạo môi trường thuận lợi, minh bạch cho hoạt động đầu tư của doanh nghiệp nước ngoài.... Từ đó, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế của đất nước trong thời kỳ hội nhập.

4. Phạm vi nghiên cứu đề tài

Trong khuôn khổ giới hạn của một luận văn thạc sĩ Luật học, tác giả luận văn chỉ tập trung nghiên cứu một số nội dung sau:

- Đối tượng nghiên cứu: Cải cách hành chính trong lĩnh vực thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Nghiên cứu quy định về hành chính hiện nay đối với doanh nghiệp;

+ Đánh giá và phân tích những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc của hành chính đối với doanh nghiệp;

+ Đề xuất quan điểm đóng góp của tác giả về một số vấn đề trong thực hiện cải cách hành chính để thu hút đầu tư nước ngoài.

5. Phương pháp nghiên cứu đề tài

Cơ sở lý luận và phương pháp luận của đề tài dựa trên phép duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin để tìm ra mối liên hệ giữa các hiện tượng nhằm đánh giá các vấn đề nghiên cứu một cách khoa học.

Bên cạnh đó, tác giả cũng vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành như: phân tích chứng minh, phân tích tổng hợp, so sánh, diễn giải, suy diễn lôgic. Cùng với đó là phương pháp lấy ý kiến chuyên gia, các nhà quản lý, bởi đối tượng chủ yếu thực hiện cải cách hành chính để thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam là các nhà đầu tư nước ngoài và các nhà quản lý. Do đó, việc lấy ý kiến thông qua bảng hỏi hoặc phỏng vấn trực tiếp là rất cần thiết.

6. Những điểm mới và ý nghĩa của đề tài

Về mặt khoa học, đề tài cần có sự đánh giá của các nhà nghiên cứu quan tâm tới vấn đề này. Tuy nhiên, tác giả cũng mạnh dạn đánh giá đây sẽ là công trình nghiên cứu, phân tích một cách có hệ thống những vấn đề về cải cách hành chính, đồng thời phân tích thực trạng về những vướng mắc, cũng như đưa ra những kiến nghị đối với việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật cải cách hành chính góp phần tạo động lực, môi trường thuận lợi để các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Trong đó, trên tinh thần phải xem cải cách hành chính là khâu đột phá để tạo môi trường thuận lợi, minh bạch cho hoạt động của doanh nghiệp nước ngoài.

Đây là khâu cản trở sự phát triển, cần tập trung chỉ đạo tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong lĩnh vực này. Với các biện pháp chủ yếu để đẩy mạnh cải cách hành chính:

- Tập trung chỉ đạo thực hiện cải cách mạnh mẽ các lĩnh vực quản lý hành chính, tạo môi trường thuận lợi nhất cho doanh nghiệp vào sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

- Các cấp chính quyền và từng cơ quan hành chính nhà nước rà soát các loại thủ tục hành chính, bãi bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc trình cấp trên xem xét sửa đổi theo hướng tạo thuận tiện cho doanh nghiệp. Xử lý nghiêm những cá nhân và tổ chức tùy tiện đặt ra các quy định trái pháp luật, trái thẩm quyền, gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp nước ngoài. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính trong việc cải cách hành chính.

- Công bố công khai các thủ tục: các loại giấy tờ, biểu mẫu và quy trình giải quyết công việc, thời gian giải quyết, phí và lệ phí theo quy định để nhân dân biết và thực hiện thuận lợi.

- Chính phủ khẩn trương rà soát, sửa đổi các quy định của mình và chịu trách nhiệm rà soát những thủ tục hành chính đã quy định trong các luật, pháp lệnh, trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, sửa đổi cho phù hợp.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Cải cách hành chính và vai trò của cải cách hành chính trong đầu tư nước ngoài.

Chương 2: Thực trạng của cải cách hành chính trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài ở nước ta.

Chương 3: Phương hướng và giải pháp tiếp tục đổi mới cải cách hành chính trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài ở nước ta hiện nay

Chương 1 CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ VAI TRÒ CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1.1. Cải cách hành chính và vai trò của cải cách hành chính trong quản lý Nhà nước

1.1.1. Quan niệm về cải cách hành chính

Qua xem xét, phân tích dưới nhiều góc độ định nghĩa của khái niệm, có thể thấy các khái niệm về cải cách hành chính được nêu ra có 03 điểm thống nhất sau:

Thứ nhất: cải cách hành chính là một sự thay đổi có kế hoạch, theo một mục tiêu nhất định, được xác định bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

Thứ hai: cải cách hành chính không làm thay đổi bản chất của hệ thống hành chính, mà chỉ làm cho hệ thống này trở nên hiệu quả hơn, phục vụ nhân dân được tốt hơn so với trước, chất lượng các thể chế quản lý nhà nước đồng bộ, khả thi, đi vào cuộc sống hơn, cơ chế hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan nhà nước sau khi tiến hành cải cách hành chính đạt hiệu quả, hiệu lực hơn, đáp ứng yêu cầu quản lý kinh tế - xã hội của một quốc gia;

Thứ ba: cải cách hành chính tùy theo điều kiện của từng thời kỳ, giai đoạn của lịch sử, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia, có thể được đặt ra những trọng tâm, trọng điểm khác nhau, hướng tới hoàn thiện một hoặc một số nội dung của nền hành chính, đó là tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, thể chế pháp lý, hoặc tài chính công v.v...

1.1.2. Vai trò của cải cách hành chính

Cải cách hành chính là động lực để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển dân chủ và các mặt khác của đời sống xã hội.

Cải cách hành chính vừa là động lực phát triển vừa là "đầu ra" của các cuộc cải cách khác, như cải cách kinh tế, cải cách tư pháp, kể cả cải cách chính trị, trong cuộc đổi mới toàn diện đang tiến triển; là vấn đề liên quan đến hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước, có tác động trực tiếp đến cải cách kinh tế, xã hội.

Tạo lập môi trường pháp lý thuận lợi cho các hoạt động kinh tế, xã hội, nâng cao năng lực và hiệu quả của chỉ đạo thực hiện, kiểm tra, thanh tra thực hiện thể chế. Xác định rõ phạm vi và nội dung quản lý Nhà nước về kinh tế-xã hội của cơ quan công quyền các cấp.

1.1.3. Nội dung của cải cách hành chính

Cải cách thể chế

Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức

Cải cách tài chính công

1.2. Cải cách hành chính trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài

Cải cách thể chế:

- Phải bảo đảm tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội, thể hiện trong từng chính sách, kế hoạch phát triển.

- Mở rộng lĩnh vực thu hút đầu tư nước ngoài và đa dạng hóa các hình thức đầu tư.

- Đơn giản hóa thủ tục đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư; đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế; tăng cường sự quản lý của nhà nước đối với hoạt động đầu tư.

Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

- Phân cấp quản lý nhà nước giữa Trung ương và địa phương

- Bộ máy Chính phủ hiện nay với 22 Bộ, cơ quan ngang Bộ vẫn là lớn so với các nước trên thế giới. Vì vậy, cần hợp nhất một số Bộ, ngành tổ chức theo mô hình Bộ đa ngành, đa lĩnh vực.

Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức

- Đổi mới cơ bản, mạnh mẽ mang tính cải cách, từ việc tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, bãi miễn, đến đào tạo bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật, chính sách đãi ngộ (tiền lương, thưởng), đánh giá cán bộ, công chức...

- Hoàn thiện quy định pháp lý cụ thể về trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan hành chính, cũng như của từng cán bộ, công chức.

Cải cách tài chính công

- Phải đổi mới chính sách về thuế theo hướng thích ứng dần với cơ chế thị trường và phù hợp với thông lệ quốc tế

- Thủ tục hành chính trong thu nộp thuế phải được đơn giản hóa, công tác quản lý thuế phải dần được đổi mới và hiện đại hóa.

- Chính sách thuế cần phải tiếp tục được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện theo hướng áp dụng thống nhất đối với các loại hình doanh nghiệp và bước đầu phù hợp với thông lệ quốc tế, góp phần khuyến khích đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh.

Nội dung của cải cách hành chính trong đầu tư nước ngoài

Cải cách thể chế:

- Yêu cầu phía cơ quan quản lý phải tiếp tục rà soát pháp luật, chính sách để sửa đổi hoặc loại bỏ các điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư không phù hợp với cam kết của Việt Nam với WTO và có giải pháp đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư liên quan.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát việc thi hành pháp luật về đầu tư và doanh nghiệp để kịp thời phát hiện và xử lý các vướng mắc phát sinh.

Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

- Điều chỉnh chức năng của Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất của Nhà nước

- Áp dụng các quy định mới về phân cấp Trung ương - địa phương, phân cấp giữa các cấp chính quyền địa phương, nâng cao thẩm quyền và trách nhiệm của chính quyền địa phương, tăng cường mối liên hệ và trách nhiệm của chính quyền trước nhân dân địa phương.

- Tiếp tục giảm các cơ quan trực thuộc Chính phủ. Bên cạnh tổ chức Chính phủ, có các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức xã hội, giúp Chính phủ nghiên cứu những vấn đề lớn, phức tạp liên ngành để giảm bộ máy nhà nước nhưng tránh xu hướng nhà nước hóa các tổ chức xã hội như hiện nay.

- Chức năng của Nhà nước và Chính phủ có thể thu hẹp nhưng nhiệm vụ lại phải tăng cường hơn trong việc hình thành các loại thị trường và kiến tạo các điều kiện để cơ chế thị trường có thể vận hành,

phát huy hiệu quả, đồng thời thực hiện vai trò phục vụ phúc lợi của nhân dân ngày một tốt hơn.

Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức

- Nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức nhằm đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Luật Đầu tư và quy định mới về phân cấp quản lý đầu tư nước ngoài

- Thể chế hóa các nội dung liên quan tới tiêu chuẩn, chức danh cán bộ, công chức

- Để nâng cao chất lượng và năng lực của đội ngũ công chức, trước hết cần thực hiện chế độ công vụ theo chức năng, thẩm quyền, trách nhiệm, quyền hạn; có tiêu chí đánh giá kết quả công việc theo từng chức danh.

- Cần có sự đổi mới cải cách, từ việc tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, bãi miễn, đến đào tạo bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật, chính sách đãi ngộ đánh giá cán bộ, công chức...

Cải cách tài chính công

- Đổi mới hệ thống chính sách thuế theo hướng thích ứng dần với cơ chế thị trường và phù hợp với thông lệ quốc tế

- Đổi mới hệ thống chính sách thuế theo hướng thích ứng dần với cơ chế thị trường và phù hợp với thông lệ quốc tế

- Nâng cao hiệu quả việc huy động và sử dụng nguồn vốn ODA để khôi phục, nâng cấp và xây dựng mới hàng loạt các dự án quốc gia quy mô lớn trong các lĩnh vực giao thông, điện, thủy lợi, cấp thoát nước, y tế, giáo dục và đào tạo.

Chương 2

THỰC TRẠNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI Ở NƯỚC TA

2.1. Những kết quả đạt được về cải cách hành chính trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài ở nước ta

Kể từ khi Đảng và Nhà nước có chủ trương cho doanh nghiệp nước ngoài vào đầu tư tại Việt Nam, thì đi song hành cùng với chủ trương này

là công cuộc cải cách hành chính đã được thúc đẩy mạnh mẽ, tạo sự chuyển biến tích cực từ môi trường đầu tư-kinh doanh tại Việt Nam: chi phí đầu tư-kinh doanh thấp so với một số nước trong khu vực; sẵn lực lượng lao động với giá nhân công rẻ, thị trường mới, vì vậy, đầu tư nước ngoài tăng trưởng nhanh chóng, có tác động lan tỏa tới các thành phần kinh tế khác và đóng góp tích cực vào thực hiện các mục tiêu kinh tế-xã hội của đất nước.

Không chỉ tạo môi trường thuận lợi thu hút các dự án đầu tư mới, mà nhiều dự án sau khi hoạt động có hiệu quả đã mở rộng quy mô sản xuất-kinh doanh, tăng thêm vốn đầu tư.

Cũng chính nhờ cải cách sâu rộng về hành chính nên đến nay đầu tư nước ngoài đã trải rộng khắp cả nước, không còn địa phương "trắng" đầu tư nước ngoài.

Các dự án đầu tư nước ngoài đã tập trung tại các địa bàn trọng điểm, có lợi thế, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương, làm cho các vùng này thực sự là vùng kinh tế động lực, lôi kéo phát triển kinh tế - xã hội chung và các vùng phụ cận.

Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã tích cực đóng góp vào ngân sách nhà nước, thể hiện qua việc thu nộp ngân sách tăng dần qua các năm. Từ các dự án đầu tư, các doanh nghiệp nước ngoài đã tạo ra việc làm cho trên 1,2 triệu lao động trực tiếp và hàng triệu lao động gián tiếp khác.

Đầu tư nước ngoài đã góp phần hình thành và phát triển trong cả nước hệ thống các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao tương đối đồng bộ và hiện đại, đem lại hiệu quả sử dụng đất cao hơn ở một số địa phương đất đai kém màu mỡ. Cùng với đó, đầu tư nước ngoài còn góp phần thúc đẩy chuyển giao công nghệ tiên tiến vào Việt Nam, phát triển một số ngành kinh tế quan trọng của đất nước như viễn thông... Nhất là sau khi Tập đoàn Intel đầu tư 1 tỷ đô la Mỹ vào Việt Nam trong dự án sản xuất linh kiện điện tử cao cấp, đã gia tăng số lượng các dự án đầu tư vào lĩnh vực công nghệ cao của các tập đoàn đa quốc gia như Canon, Panasonic, Ritech...

Những kết quả tích cực đã đạt được trong thu hút và sử dụng vốn đầu tư nước ngoài xuất phát từ những nguyên nhân chủ yếu sau đây:

2.1.1. Những kết quả đạt được ở lĩnh vực cải cách thể chế

- Chuyển nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tạo điều kiện thuận lợi để hội nhập với kinh tế thế giới.

- Công tác xây dựng luật đã được đẩy mạnh

+ Chính phủ đã tập trung chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện thể chế phục vụ trực tiếp cho cải cách hành chính để thu hút đầu tư nước ngoài. Mỗi năm trung bình Chính phủ ban hành gần 200 Nghị định... Quốc hội đã thông qua và Chủ tịch nước đã ban hành gần 100 văn bản luật, pháp lệnh.

+ Pháp luật đầu tư nước ngoài và các văn bản pháp luật liên quan đến đầu tư nước ngoài được ban hành đã tạo môi trường pháp lý đồng bộ cho các hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, tạo "một sân chơi" bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa các nhà đầu tư; đơn giản hóa thủ tục đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư; đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế; tăng cường sự quản lý của nhà nước đối với hoạt động đầu tư.

+ Các luật và văn bản pháp luật đã ban hành thể hiện rõ các quan điểm, chủ trương về tạo điều kiện và nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư nước ngoài: tạo sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp; giảm thiểu sự can thiệp bằng các biện pháp hành chính của các cơ quan Nhà nước vào các quan hệ đầu tư.

+ Chính quyền địa phương các cấp cũng tăng cường cải cách thể chế, trong đó nhiều tỉnh như Thành phố Hồ Chí Minh, Vĩnh Phúc, Nghệ An, Bình Dương... đặc biệt quan tâm đến thu hút đầu tư nước ngoài.

- Công tác quản lý và thu hút đầu tư nước ngoài đã thực hiện chủ trương việc phân cấp.

+ Quán triệt các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phân cấp quản lý, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 80/CP về đẩy mạnh phân cấp quản lý Nhà nước đã trao quyền cho chính quyền địa phương cấp phép dự án và quản lý đất đai, tài nguyên trên địa bàn. Luật Đất đai năm 2003 cũng củng cố thêm quyền lực này của địa phương.

+ Việc phân cấp trên chính là điểm thành công nổi bật của cải cách thể chế: giảm dần thể chế hành chính đơn thuần sang thể chế kinh tế, phát huy tính chủ động sáng tạo và tự chịu trách nhiệm của các cấp, bảo đảm quyền tự chủ của địa phương, dần tách quản lý nhà nước và quản lý sản xuất - kinh doanh, bước đầu xóa bỏ quan niệm chủ quản trực thuộc.

+ Việc phân cấp mạnh cho Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban quản lý đã tạo điều kiện cho các Bộ, ngành quản lý nhà nước tập trung thực hiện chức năng hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật, dự báo, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh, giảm dần đầu tư nhà nước vào các cơ sở kinh tế, hướng trọng tâm vào những lĩnh vực công cộng. Cho tới nay, công tác quản lý hoạt động đầu tư nước ngoài ở địa phương, nhất là các địa phương có nhiều doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đã đi vào nề nếp, theo trình tự hợp lý, đã được đơn giản hóa,...được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá có nhiều đổi mới, góp phần cải thiện môi trường đầu tư-kinh doanh của địa phương.

- Song song với việc ban hành hệ thống pháp luật, chính sách mới, đã rà soát lại hệ thống văn bản pháp quy, hủy bỏ những văn bản lạc hậu, trùng lặp, bổ sung, sửa đổi thành các văn bản mới.

+ Loại bỏ những thủ tục không còn phù hợp, giảm phiền hà cho doanh nghiệp và nhân dân trong hoạt động kinh doanh và quan hệ dân sự.

+ Đơn giản thủ tục đăng ký kinh doanh, bãi bỏ giấy phép kinh doanh, đơn giản thủ tục xuất nhập khẩu, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đô thị, cải cách một cách cơ bản thủ tục hải quan, giảm thời gian thẩm định cấp giấy phép đầu tư nước ngoài, miễn trừ các loại phí và lệ phí không phù hợp.

- Cùng với việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, khung pháp lý song phương và đa phương liên quan đến đầu tư nước ngoài cũng không ngừng được mở rộng và hoàn thiện với việc nước ta đã ký kết 51 Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư với các nước và vùng lãnh thổ.

2.1.2. Những kết quả đạt được ở lĩnh vực cải cách bộ máy hành chính nhà nước

- Giảm tối đa sự can thiệp hành chính vào hoạt động của thị trường và doanh nghiệp.

Các cơ quan nhà nước tập trung làm tốt chức năng định hướng phát triển, tạo lập môi trường pháp lý, cơ chế, chính sách thuận lợi để phát huy các nguồn lực, tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật. Nhờ đó, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước thời gian qua đã được điều chỉnh từng bước

- Những kết quả đạt được ở lĩnh vực cải cách xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức

Công tác xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức thời gian qua được quan tâm triển khai trên diện rộng, kết hợp huy động nhiều giải pháp và đã đạt được một số kết quả tích cực:

Nếu năm 1986, số lượng cán bộ, công chức hành chính, sự nghiệp là 1,2 triệu người thì hiện tại là hơn 1,7 triệu người, bằng 2% dân số cả nước, trong đó biên chế trong khối sự nghiệp nhà nước khoảng 1,4 triệu người, và nếu so với nhiều nước trên thế giới, đây là một tỷ lệ không cao.

2.1.3. Những kết quả đạt được ở lĩnh vực cải cách cải cách tài chính công

- Kết quả nổi bật trong cải cách tài chính công để thu hút đầu tư nước ngoài trong thời gian qua là đã và đang xây dựng hệ thống chính sách thuế đảm bảo sự đồng bộ với các sắc thuế và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước và thông lệ quốc tế, đảm bảo được yêu cầu thu ngân sách và tạo cơ sở cho cải cách quản lý thuế theo hướng tiên tiến, hiện đại

+ Hầu hết, các luật, pháp lệnh, Nghị quyết của Quốc hội về thuế đã được sửa đổi bổ sung và ban hành mới đều theo hướng giải quyết hợp lý về nghĩa vụ thuế cho người nộp thuế: đã bỏ thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

+ Xóa bỏ sự cách biệt về nghĩa vụ thuế giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài; giữa cá nhân người Việt Nam với cá nhân người nước ngoài

+ Tiếp tục khuyến khích xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ: mở rộng diện áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% đối với sản xuất kinh doanh phần mềm tin học; hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất.

- Bộ Tài chính đã trình Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật thuế Giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp; ban hành Luật thuế thu nhập cá nhân..., nhằm đảm bảo các mục tiêu phát triển kinh tế, đảm bảo tính công khai, minh bạch trong quản lý. Hầu hết các Luật, Pháp lệnh thuế sửa đổi, bổ sung và ban hành mới đều giảm nghĩa vụ thuế cho người nộp thuế, tạo điều kiện tích lũy, tái sản xuất mở rộng cho doanh nghiệp. Các quy định về ưu đãi thuế được sửa đổi đảm bảo minh bạch, thiết thực, tránh phức tạp và dàn trải, phù hợp với xu thế chung về cải cách thuế của các nước trên thế giới; chuyển từ cơ chế ưu đãi theo diện hẹp (miễn, giảm thuế) sang cơ chế hạ mức thuế suất phổ thông để khuyến khích cả nền kinh tế; đồng thời sắp xếp lại đối tượng được ưu đãi (miễn, giảm thuế) tập trung vào một số lĩnh vực mũi nhọn (như công nghệ cao, giáo dục, y tế...) và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Công tác quản lý thuế được hiện đại hóa toàn diện, cả về phương pháp quản lý, thủ tục hành chính, bộ máy tổ chức, đội ngũ cán bộ và áp dụng rộng rãi công nghệ thông tin... nhờ đó đã nâng cao hiệu quả công tác quản lý nâng cao trình độ quản lý thuế của Việt Nam ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực, đáp ứng yêu cầu đổi mới trong bối cảnh hội nhập nền kinh tế.

- Trong lĩnh vực hải quan, quy trình thủ tục hành chính đã được cải tiến

+ Bỏ nhiều khâu trung gian theo hướng tổ chức dây chuyền thủ tục hải quan hoàn chỉnh, một cửa, do đó đã giảm đáng kể thời gian thông quan.

+ Công tác kiểm tra thực tế hàng hóa xuất, nhập khẩu được chuyển sang áp dụng phương pháp quản lý rủi ro, kiểm tra có trọng điểm, kiểm tra sau thông quan và đang thí điểm thông quan điện tử tại một số địa phương.

+ Đã chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm. Nhờ đó, đã từng bước nâng cao hiệu quả áp dụng quản lý rủi ro trong quy trình thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp được giải phóng hàng hóa, đưa vào sản xuất, lưu thông, giảm bớt chi phí phát sinh do thời gian làm thủ tục, lưu kho bãi.

2.2. Những tồn tại của cải cách hành chính trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài

Bên cạnh các kết quả tích cực đã đạt được, hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam trong những năm qua chưa tương xứng với tiềm

năng, chưa tận dụng được các lợi thế. Vấn đề này đã bộc lộ qua chất lượng một số dự án đầu tư nước ngoài ở Việt Nam chưa cao, một số dự án có vốn đầu tư nước ngoài còn chậm triển khai, một số dự án khác, nhất là các dự án thực hiện theo hình thức liên doanh hoạt động chưa hiệu quả. Cụ thể:

- Chỉ tính đến hết năm 2007, đã có 38 dự án đầu tư nước ngoài kết thúc đúng thời hạn với tổng vốn đăng ký 658 triệu USD. Các dự án kết thúc đúng thời hạn chủ yếu là các dự án đầu tư trong những lĩnh vực đặc thù như trục vớt tàu đắm, thăm dò và khai thác dầu, khí, nuôi trồng thủy sản... Đồng thời, đã có 1.359 dự án đầu tư nước ngoài bị giải thể trước thời hạn với số vốn đăng ký giải thể khoảng 15,5 tỷ USD, trong đó, vốn giải thể chủ yếu tập trung trong lĩnh vực dịch vụ chiếm 50%, lĩnh vực công nghiệp- xây dựng chiếm 42,3%. Trong các dự án đầu tư nước ngoài bị giải thể, số dự án hoạt động theo hình thức liên doanh chiếm đa số: 56% về số dự án và 67,2% về tổng vốn đăng ký, tiếp theo là hình thức Hợp doanh 10,2% về số dự án và 15,5% về tổng vốn đăng ký. Hình thức 100% vốn nước ngoài chiếm 13,1% về số dự án và 15,5% về tổng vốn đăng ký

- Cơ cấu vốn đầu tư nước ngoài còn một số bất hợp lý, lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp mặc dù đã có những chính sách ưu đãi nhất định, nhưng do đầu tư trong lĩnh vực này chứa đựng nhiều rủi ro, nguồn cung cấp nguyên liệu chưa ổn định, phương thức hợp tác với người dân chưa thích hợp nên đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực này còn thấp, vốn đăng ký giảm liên tục.

2.2.1. Về cải cách thể chế

Cải cách thể chế nói chung và cải cách thể chế cho đầu tư nước ngoài nói riêng trong thời gian qua tuy đã đạt được những kết quả quan trọng, nhưng so với yêu cầu của công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội và chủ động hội nhập quốc tế thì vẫn còn chậm, hiệu quả thấp.

- Nền hành chính về cơ bản vẫn còn dấu ấn của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, vừa gò bó, vừa sơ hở; so với tiến trình cải cách kinh tế còn chậm, một số mục tiêu cải cách không đạt được; chưa theo kịp yêu cầu đổi mới, vẫn còn là vật cản đối với cải cách kinh tế, trong đó, tổ chức thực hiện vẫn còn là khâu còn nhiều yếu kém; ý thức trách nhiệm thi hành công vụ của đa số cán bộ, công chức tuy đã có chuyển biến nhưng vẫn chậm.

- Sự chưa đồng bộ của hệ thống thể chế một mặt thể hiện ở chỗ một số luật, pháp lệnh đã ban hành nhưng các nghị định và thông tư hướng dẫn triển khai chậm được ban hành, gây cản trở cho việc phát triển kinh tế - xã hội, làm nản lòng các nhà đầu tư.

- Chậm xác định rõ chức năng, nhiệm vụ quản lý hành chính nhà nước vĩ mô của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước, nhất là ở cấp Chính phủ và các bộ. Chính phủ làm gì và làm đến đâu trong cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tương tự như vậy là các bộ và chính quyền các cấp, đây vẫn là vấn đề còn chưa hoàn toàn được làm sáng tỏ

2.2.2. Về bộ máy nhà nước

- Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước vẫn chồng chéo, nhiều tầng nấc với 26 bộ, cơ quan ngang bộ và 13 cơ quan thuộc Chính phủ. Bộ máy hành chính ở cấp Trung ương còn quá lớn, số lượng tổ chức bên trong các bộ, ngành còn nhiều và có xu hướng phình ra.

- Mặc dù mấy năm gần đây có những chuyển biến tích cực trong sự chỉ đạo của chính phủ, nhưng nhìn chung chưa có sự chỉ đạo kiên quyết, tập trung của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với toàn bộ quá trình cải cách hành chính trong phạm vi cả nước.

- Nghị quyết 80/CP của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp quản lý Nhà nước đã trao quyền cho chính quyền địa phương cấp phép dự án. Tuy nhiên, quá trình đổi mới phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và chính quyền địa phương các cấp vừa qua xét về tổng thể vẫn chưa đáp ứng được những đòi hỏi bức xúc của thực tiễn, còn nhiều hạn chế, bất hợp lý

- Số lượng các cơ quan của Chính phủ mặc dù đã giảm từ 48 xuống 30, nhưng nhìn chung vẫn là quá nhiều đầu mối

2.2.3. Về đội ngũ cán bộ, công chức

- Chuyên môn, ngoại ngữ của cán bộ, nhân viên làm công tác xúc tiến đầu tư còn hạn chế.

- Tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật của một bộ phận cán bộ, công chức còn yếu, còn có hiện tượng quan liêu, tham nhũng gây nên những tiêu cực trong thi hành công vụ.

- Đội ngũ công chức tuy được đào tạo lại nhưng còn hạn chế, đông về số lượng, nhưng hạn chế về trình độ chuyên môn, tính chuyên nghiệp chưa cao.

2.2.4. Về cải cách tài chính công

- Chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển còn thấp; nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển lớn, nhưng mức đáp ứng vốn còn hạn chế, nhiều tiềm năng vốn trong nước và vốn nước ngoài chưa được khai thác tốt.

- Vốn đầu tư thực hiện tăng, nhưng tỷ trọng vốn đầu tư nước ngoài trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội có xu hướng giảm do tốc độ tăng vốn đầu tư nước ngoài thực hiện chậm hơn tốc độ tăng vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác.

- Cơ cấu đầu tư nước ngoài còn mất cân đối cả về cơ cấu vùng và ngành. Đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ có xu hướng giảm sút so với các năm trước.

- Chưa chú ý khai thác vốn thông qua các "kênh" gián tiếp và thông qua thị trường vốn. Phạm vi đánh thuế còn hạn hẹp, hệ thống thuế chưa bao quát hết các nguồn thu nhập, bỏ sót nguồn thu và đối tượng nộp thuế.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

3.1. Phương hướng tiếp tục đổi mới cải cách hành chính trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài ở nước ta

Để cụ thể hóa chủ trương tăng cường thu hút và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, từ thực tiễn cho thấy:

Một là, cần thống nhất nhận thức và có cách nhìn nhạy bén về kinh tế, chính trị, nắm bắt thời cơ, thuận lợi, thấy rõ được những khó khăn, thách thức từ bên trong cũng như bên ngoài để kịp thời đề ra được chủ trương, đường lối đúng đắn, tập trung lực lượng, giải quyết dứt điểm các vấn đề nảy sinh.

Chủ trương, đường lối khi đã đề ra phải được quán triệt thông suốt, đầy đủ từ trung ương đến địa phương và phải được cụ thể hóa kịp thời, tạo ra sự thống nhất và quyết tâm cao trong việc tổ chức thực hiện để đảm bảo thành công.

Hai là, các chủ trương, phương hướng lớn phải được nhanh chóng thể chế hóa thành pháp luật, cơ chế, chính sách một cách đồng bộ, tạo đủ hành lang pháp lý cho việc thực hiện.

Pháp luật và văn bản liên quan về đầu tư nước ngoài phải minh bạch, rõ ràng và phù hợp với thông lệ quốc tế có chú ý tới điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của nước ta.

Cơ chế, chính sách phải đồng bộ thể hiện tính khuyến khích và cạnh tranh cao so với các nước trong khu vực, có tính tới quy luật cạnh tranh và xu hướng tự do hóa trong thu hút đầu tư phù hợp với tiến trình hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, đồng thời tạo điều kiện, khuyến khích sự chủ động, sáng tạo của người thực hiện.

Ba là, công tác chỉ đạo, điều hành phải thông suốt, thống nhất, có nền nếp, kỷ cương trong bộ máy công quyền, tạo niềm tin và độ tin cậy đối với nhà đầu tư, đặc biệt đối với người đứng đầu.

Phải luôn luôn hướng về nhà đầu tư và doanh nghiệp để nhanh chóng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư.

Mọi thủ tục hành chính phục vụ cho hoạt động đầu tư phải đơn giản, gọn nhẹ, không làm tăng chi phí, không gây phiền hà, sách nhiễu cho nhà đầu tư.

Bốn là, công tác cán bộ cần luôn được xem trọng để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên, liên tục nhằm xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ làm công tác kinh tế đối ngoại không những tinh thông nghiệp vụ, am hiểu về kinh tế đối ngoại, mà còn trong sạch về phẩm chất, đạo đức, vì đây là cầu nối giữa nhà đầu tư với nước chủ nhà, là nguyên nhân của mọi nguyên nhân thành công hay thất bại.

Năm là, tùy điều kiện và hoàn cảnh cụ thể, các cơ quan quản lý đầu tư các cấp chủ động vận dụng, tổ chức triển khai, giám sát và đánh giá

việc thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, pháp luật nhà nước về đầu tư sao cho hiệu quả, đảm bảo hài hòa mối quan hệ giữa nhà đầu tư, nhà quản lý, giữa lợi ích của nhà nước với lợi ích của nhà đầu tư trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội bền vững trên địa bàn và trên cả nước

3.2. Một số giải pháp tiếp tục đổi mới cải cách hành chính trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài ở nước ta

Để triển khai thực hiện việc thu hút và sử dụng hiệu quả đầu tư nước ngoài thì cần thực hiện các giải pháp sau:

3.2.1. Cải cải thể chế

- Tiếp tục rà soát pháp luật, chính sách để sửa đổi hoặc loại bỏ các điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư không phù hợp với cam kết của Việt Nam với WTO và có giải pháp đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư liên quan.

- Xây dựng văn bản hướng dẫn các địa phương và doanh nghiệp về lộ trình cam kết mở cửa đầu tư nước ngoài làm cơ sở xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư.

- Chính phủ, các bộ, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện vai trò chức năng quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với các nội dung hoạch định chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng và ban hành thể chế, chính sách; hướng dẫn việc tổ chức thực hiện; thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm. Kiên quyết thực hiện việc chuyển giao mạnh các chức năng, nội dung công việc không thuộc chức năng của hệ thống hành chính cho các tổ chức xã hội, tổ chức phi Chính phủ, tổ chức sự nghiệp dịch vụ công, tổ chức doanh nghiệp, tư nhân đảm nhiệm ngày càng nhiều hơn theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa.

3.2.2. Cải cách bộ máy nhà nước

- Xác định lại chức năng của Nhà nước và Chính phủ. Trong đó, cần tập trung vấn đề phân cấp quản lý, đổi mới cơ chế và phương thức hoạt động hành chính, hiện đại hóa công việc hành chính bằng kỹ thuật hiện đại như Chính phủ điện tử và nhất là động viên sự tham gia rộng rãi của nhân dân vào việc hoạch định chính sách của Nhà nước và giám sát việc thực hiện.

- Thực hiện tốt việc phân cấp quản lý nhà nước đối với đầu tư nước ngoài, đặc biệt trong việc phê duyệt, cấp Giấy chứng nhận đầu tư, quản lý tốt các dự án đầu tư nước ngoài, gắn với việc tăng cường hợp tác, hỗ trợ, phối hợp hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật về đầu tư trên các lĩnh vực chủ yếu nhất: quản lý quy hoạch, kế hoạch, đầu tư phát triển; Ngân sách Nhà nước; đất đai, tài nguyên; Doanh nghiệp nhà nước; hoạt động sự nghiệp, dịch vụ công; tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức.

-Đơn giản hóa và công khai quy trình, thủ tục hành chính đối với đầu tư nước ngoài, thực hiện cơ chế "một cửa" trong việc giải quyết thủ tục đầu tư. Đảm bảo sự thống nhất, các quy trình, thủ tục tại các địa phương, đồng thời, phù hợp với điều kiện cụ thể.

- Xử lý dứt điểm, kịp thời các vấn đề vướng mắc trong quá trình cấp phép, điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư.

- Tăng cường cơ chế phối hợp quản lý đầu tư nước ngoài giữa Trung ương và địa phương và giữa các Bộ, ngành liên quan.

- Các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp tục rà soát, cập nhật bổ sung danh mục kêu gọi đầu tư phù hợp với nhu cầu đầu tư phát triển và quy hoạch phát triển ngành, địa phương.

- Triển khai nhanh việc thành lập bộ phận xúc tiến đầu tư tại một số địa bàn trọng điểm.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả việc chống tham nhũng, tiêu cực và tình trạng nhũng nhiễu đối với nhà đầu tư. Đề cao tinh thần trách nhiệm cá nhân trong xử lý công việc, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở các cơ quan quản lý nhà nước.

3.2.3. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức

- Để xây dựng và làm cho bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh cần gắn chặt cải cách hành chính với chống tham nhũng bằng các biện pháp mạnh mẽ và quyết liệt.

-Để thực hiện mục tiêu làm cho bộ máy nhà nước tinh gọn, có hiệu lực, hiệu quả thì trên cơ sở đã kết luận rõ nội dung chức năng quản lý nhà nước và phân cấp mạnh để làm tốt quản lý vĩ mô, cần phải có quyết tâm

cao trong việc cơ cấu lại tổ chức bộ máy Chính phủ, các bộ, cơ quan hành chính địa phương các cấp

- Tiếp tục triển khai đồng bộ, nâng cao chất lượng cơ chế "một cửa" theo yêu cầu công khai, minh bạch coi đó như là một bước đột phá trong cải cách thủ tục hành chính đi vào chiều sâu để loại bỏ mạnh mẽ thủ tục hành chính rườm rà, nhiều cửa phức tạp, nảy sinh tiêu cực, tham nhũng, cản trở các hoạt động kinh tế - xã hội

- Phải tạo động lực nội tại bên trong của cải cách hành chính theo yêu cầu nhìn thẳng vào sự thật khách quan để lựa chọn cơ chế, chính sách được đúng và trúng.

- Cải cách căn bản hơn việc xây dựng và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước trong điều kiện mới cho theo kịp và đáp ứng được yêu cầu thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của hệ thống hành chính nhà nước được cơ cấu lại tổ chức bộ máy gọn nhẹ, quản lý nhà nước đa ngành, đa lĩnh vực.

3.2.4. Cải cách tài chính công

- Cải cách phải phù hợp với yêu cầu mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế. Mở cửa và hội nhập nền kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế khu vực và quốc tế đòi hỏi Việt Nam phải tuân thủ những luật chơi chung đã cam kết với các tổ chức khu vực và quốc tế.

- Tiếp tục cải cách thuế cho phù hợp với tình hình đất nước; yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phù hợp với và các cam kết quốc tế. Bổ sung, hoàn thiện, đơn giản hóa các sắc thuế, từng bước áp dụng hệ thống thuế thống nhất, không phân biệt doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế nào. Cơ cấu lại nguồn thu, khắc phục tình trạng hạn hẹp trong phạm vi đánh thuế gây ra bỏ sót nguồn thu và đối tượng nộp thuế, đáp ứng yêu cầu động viên thu nhập quốc dân vào ngân sách nhà nước. Hiện đại hóa công tác thu thuế và đổi mới quản lý thu thuế.

KẾT LUẬN

Đầu tư nước ngoài có vai trò rất to lớn đến phát triển kinh tế đất nước: đây là nguồn vốn bổ sung quan trọng cho vốn đầu tư phát triển,

đáp ứng nhu cầu tăng trưởng kinh tế; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao năng lực sản xuất công nghiệp; thúc đẩy chuyển giao công nghệ; đóng góp đáng kể vào ngân sách nhà nước và các cân đối vĩ mô; tạo việc làm, tăng năng suất lao động, góp phần đào tạo và cải thiện nguồn nhân lực; phát triển thị trường lao động, nhất là thị trường lao động trình độ cao ở Việt Nam; góp phần mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới... Vì vậy, để cải cách hành chính cho đầu tư nước ngoài góp phần nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư nước ngoài trên cả 03 phương diện: số lượng dự án đầu tư, số vốn đầu tư và chất lượng dự án đầu tư thì cần phải tiến hành ở nhiều lĩnh vực. Trong đó, cải cách thể chế, bộ máy nhà nước, cán bộ công chức đến tài chính công có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Đây vừa là động lực vừa là hiệu quả thu hút đầu vào của các dự án đầu tư nước ngoài. Nghiên cứu cải cách hành chính cho đầu tư nước ngoài cho ta thấy được mặt thuận lợi lẫn những khó khăn đã và đang đặt ra hiện nay, đồng thời cho thấy sự tương ứng trong mối quan hệ hai chiều giữa nhà nước, chính sách và doanh nghiệp. Trong đó, những việc mà cải cách hành chính đã làm được cần phải nhân rộng và phát huy hơn nữa, nhưng mặt yếu kém, hạn chế đang cản trở các doanh nghiệp cần phải nhanh chóng tháo gỡ, để các nhà đầu tư khi đến Việt Nam sẽ thấy có nhiều cơ hội hơn và là điểm đến đầu tư lý tưởng. Muốn vậy, cải cách hành chính cần có những bước đi, lộ trình mạnh mẽ hơn, có những bước đột phá quyết liệt hơn, để có thể xây dựng một môi trường đầu tư thuận lợi với vai trò chủ yếu là phục vụ doanh nghiệp.

Cùng với sự thay đổi không ngừng của nền kinh tế thị trường, cải cách hành chính cho đầu tư nước ngoài cần có những bước tiến lớn để không bị tụt hậu, yếu kém. Với hoàn cảnh nước ta hiện nay và mục tiêu hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới sau khi trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) - từ ngày 01/01/2007, cải cách hành chính cho đầu tư nước ngoài là một yêu cầu tất yếu góp phần thúc đẩy việc hoàn thiện thể chế chính sách, xây dựng đồng bộ nền hành chính mới của nhà nước pháp quyền Việt Nam theo tiêu chí chuyên nghiệp, vững mạnh, trong sạch và dân chủ.